

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

QUY ĐỊNH

**QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH
XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG
ĐẾN NĂM 2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3221/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)

Hải Dương, năm 2024

QUY ĐỊNH

QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH
XÂY DỰNG VÙNG HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG
ĐẾN NĂM 2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3221/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG



CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
SỞ XÂY DỰNG HẢI DƯƠNG



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HOÀI LONG

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG



CHỦ TỊCH
PHAN NHẬT THANH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
TRUNG TÂM QUY HOẠCH
ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN QUÝ

CHƯƠNG I:

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định này hướng dẫn việc quản lý, phát triển, quy hoạch xây dựng đô thị, các khu vực nông thôn, các ngành sản xuất, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đảm bảo theo đúng đồ án Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ninh Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt tại Quyết định số 3221/QĐ-UBND ngày 04/12/2024.

Điều 2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng và tham gia vào hoạt động quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện Ninh Giang phải thực hiện đúng Quy định này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 3. Quy định này là cơ sở để chính quyền các cấp, các cơ quan quản lý kiến trúc quy hoạch xây dựng của tỉnh, của huyện quản lý quy hoạch làm căn cứ xác lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và các quy hoạch chuyên ngành trên địa bàn huyện đảm bảo phù hợp theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ninh Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

CHƯƠNG II:

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phạm vi, ranh giới vùng huyện Ninh Giang:

Phạm vi nghiên cứu toàn bộ địa giới hành chính của huyện Ninh Giang diện tích tự nhiên: **13.683,19** ha.

- Phía Bắc: Giáp huyện Gia Lộc, Tứ Kỳ;
- Phía Nam: Giáp huyện Quỳnh Phụ (tỉnh Thái Bình);
- Phía Đông: Giáp huyện Tứ Kỳ.
- Phía Tây: Giáp huyện Thanh Miện.

Điều 5. Quy mô dân số, đất đai:

*** Quy mô dân số**

- Dự báo đến năm 2030: Dân số khoảng 181.000 người, dân số đô thị khoảng 55.000 người.
- Dự báo đến năm 2050: Dân số khoảng 208.000 người; dân số nội thị khoảng 94.000 người.

*** Quy mô đất đai**

- Đất khu ở mới: đến năm 2030 khoảng 126ha,
- Đất công nghiệp: Đến năm 2030 đất công nghiệp khoảng 754ha,
- Đất sản xuất nông nghiệp: Đến năm 2030 khoảng 7.515ha

Điều 6. Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế

1) Khu vực phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.

- Các khu vực phát triển công nghiệp, sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện phải đảm bảo phù hợp Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng phê duyệt (tại Quyết định số 1639/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Thủ Tướng Chính phủ).

- Tỷ lệ lấp đầy các Khu, cụm CN đến năm 2030 đạt trên 80%, đảm bảo hiệu quả cao, sử dụng tiết kiệm tài nguyên đất đai.

- Công nghiệp Ninh Giang tập trung phát triển các cụm công nghiệp theo quy hoạch và khu công nghiệp sinh thái, hạn chế phát triển công nghiệp nhỏ lẻ; Ưu tiên ngành công nghiệp ít ô nhiễm môi trường, công nghệ kỹ thuật cao.

2) Khu vực phát triển nông nghiệp

Định hướng vùng, không gian phát triển nông nghiệp phù hợp với các chương trình, đề án phát triển nông nghiệp của tỉnh.

Nông nghiệp tập trung vào sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và sản xuất hàng hóa tập trung.

(1) Sản xuất lúa:

Diện tích đất trồng lúa của huyện Ninh Giang tiếp tục duy trì, đất lúa đến năm 2030 còn 5.195ha. Vùng sản xuất lúa hàng hoá tập trung khoảng 1.102ha.

(2) Cây rau, màu: Chú trọng phát triển các cây có giá trị kinh tế cao, thị trường tiêu thụ ổn định, hình thành các vùng rau chuyên canh hàng hóa đồng thời chú trọng đến sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP. Sản phẩm phục vụ cho người dân địa phương; khu công nghiệp – đô thị, cung cấp cho thị trường thành phố Hải Dương, Hải Phòng, Hà Nội và xuất khẩu. Đầu tư phát triển rau màu chất lượng cao tại phía Tây Bắc xã Văn Hội với tổng diện tích 105ha.

(3) Cây ăn quả:

Duy trì ổn định diện tích cây ăn quả đến năm 2030 là 853 ha, chủ yếu là các cây: chuối, ổi, cây có múi (vùng trồng vải khoảng 50ha, vùng trồng ổi khoảng 120ha) và mở rộng các mô hình sản xuất cây ăn quả theo tiêu chuẩn VietGAP.

(4) Chăn nuôi:

- Giữ vững diện tích nuôi trồng thủy sản khoảng 1.350 ha (giai đoạn đến năm 2030). Chú trọng đầu tư hạ tầng cơ sở, đặc biệt là hệ thống thủy lợi cho các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung; tập trung nuôi thâm canh đối tượng thủy sản chủ lực như: cá rô phi đơn tính, cá Trắm cỏ, cá Chép, cá Trôi Ấn Độ, cá Diêu hồng..;

- Từng bước giảm chăn nuôi nhỏ lẻ trong các khu dân cư, đến năm 2030 xóa bỏ chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư. Tập trung phát triển chăn nuôi trang trại tập trung xa khu dân cư, an toàn sinh học, đảm bảo vệ sinh môi trường

- Định hướng phát triển 02 vùng chăn nuôi tập trung chính là: Vùng chăn nuôi xã Hồng Dụ (khoảng 25ha); Vùng Nghĩa An Ứng Hòe (khoảng 26ha). Ngoài ra duy trì những điểm chăn nuôi tập trung gắn với khu nuôi trồng thủy sản hiện có

đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường phân bố tại các xã; Khu chăn nuôi tập trung phải được đầu tư xây dựng đồng bộ, xử lý triệt để chất thải, đảm bảo công tác phòng dịch.

- Phát triển chăn nuôi tập trung, đưa chăn nuôi trở thành ngành sản xuất quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Khuyến khích phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, trang trại tập trung gắn với vùng an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Thu hút được các doanh nghiệp đầu tư sản xuất theo hình thức công nghiệp, trang trại.

(5) Giết mổ gia súc, gia cầm:

- Quy hoạch 02 cơ sở giết mổ loại I đặt tại xã Tân Quang và xã Đồng Tâm với tổng diện tích là tối thiểu 2,0 ha;

- Xây dựng các lò giết mổ tập trung công nghiệp với dây truyền hiện đại, tạo ra sản phẩm chất lượng cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

3) Khu vực dịch vụ thương mại

Dự kiến đến năm 2030 tổng diện tích khu thương mại – dịch vụ huyện Ninh Giang khoảng 320 ha.

- Định hướng phát triển các vùng thương mại trên địa bàn phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng phê duyệt.

- Phát triển trung tâm logistic tại xã Hồng Phúc; phát triển Trung tâm Hội chợ triển lãm tại xã Hồng Phong.

- Phát triển siêu thị:

- + Hệ thống siêu thị mini, cửa hàng tự chọn khuyến khích phát triển theo nhu cầu thị trường, trên nền tảng cơ sở vật chất sẵn có của thương nhân; chú trọng tại các nơi gần khu công nghiệp – khu đô thị, dịch vụ...;

- + Xây dựng siêu thị hạng ở thị trấn Ninh Giang thuộc khu vực thôn Tranh Xuyên đáp ứng cho nhu cầu sử dụng của đô thị loại IV,

- Trung tâm thương mại: Căn cứ vào số lượng, trình độ sử dụng dịch vụ của các đối tượng khách hàng được phục vụ để xác định xây dựng mạng lưới trung tâm thương mại phù hợp với quy hoạch phát triển tổng thể đô thị của tỉnh; Đảm bảo sự phát triển đồng bộ của kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

- Mạng lưới chợ:

- + Xây dựng mới thêm chợ ở những địa bàn có nhu cầu phát triển trong điều kiện hiện tại và tương lai (khu đông dân cư, khoảng cách mua sắm quá xa, nhu cầu mua bán trao đổi hàng hóa qua chợ lớn; gắn liền với quá trình hình thành các khu dân cư, các khu đô thị mới, các khu/cụm công nghiệp, thương mại – dịch vụ) nhưng cần chú trọng đến phong tục tập quán của dân cư từng vùng, tránh xây dựng chợ tràn lan nhưng không hiệu quả, gây lãng phí đầu tư.

- + Xây dựng đảm bảo mỗi xã có ít nhất 01 chợ diện tích từ 3.000 – 5.000m².

- Dịch vụ, du lịch: Ưu tiên phát triển Khu du lịch văn hóa lịch sử, du lịch nông nghiệp và làng nghề truyền thống.

Điều 7. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn

Định hướng phát triển đô thị trên địa bàn huyện phải phù hợp theo quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hải Dương.

*** Hệ thống đô thị**

Về phát triển không gian chung: Phát triển không gian kinh tế - xã hội hiện đại, hài hòa giữa đô thị và nông thôn, tạo ra chất lượng phát triển mới, đặc biệt tại khu đô thị, khu dân cư, cụm tương hỗ.

- Giai đoạn đến năm 2030: Sáp nhập 02 xã Vĩnh Hòa và Đồng Tâm vào thị trấn Ninh Giang, các chỉ tiêu xây dựng đảm bảo tiêu chí của đô thị loại IV.

- Nâng cấp thêm 02 đô thị: Nghĩa An, Ứng Hòe thành đô thị loại V.

- Giai đoạn đến năm 2050: Sẽ được xác định theo định hướng phát triển hệ thống đô thị của huyện phù hợp với điều kiện phát triển, định hướng quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn trong quy hoạch tỉnh.

*** Khu dân cư nông thôn**

- Tiếp tục đầu tư xây dựng các xã trong huyện theo các tiêu chí xã nông thôn nâng cao hướng tới xây dựng nông thôn kiểu mẫu.

- Giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống xây dựng huyện nông thôn nâng cao và phát triển bền vững.

- Khu dân cư hiện hữu cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trong khu dân cư cũ, bổ sung đồng bộ hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.

- Đối với các vùng nông thôn, động lực chủ yếu để phát triển các khu dân cư nông thôn là phát triển tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp, xây dựng các trung tâm cụm xã - các điểm dân cư nông thôn để vừa khai thác các tiềm năng sẵn có, vừa tạo động lực mới, làm điểm tựa phát triển kinh tế, trung tâm dịch vụ thương mại, giáo dục, y tế, văn hóa và các lĩnh vực xã hội cho khu vực nông thôn.

- Quản lý và xây dựng các xã nông thôn theo tinh thần nghị quyết TW7 khóa X về nông nghiệp nông dân và nông thôn.

- Hướng phát triển dân cư nông thôn theo Chương trình phát triển nông thôn mới với mục tiêu chung: Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội từng bước hiện đại với các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; Gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; Xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; Môi trường sinh thái được bảo vệ; An ninh - trật tự được giữ vững; Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.

Điều 8. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội mang tính chất vùng, liên vùng

1) Quy định về trung tâm hành chính.

- Trung tâm hành chính Huyện Ninh Giang đặt tại thị trấn Ninh Giang là trung tâm hành chính cấp huyện, có quy mô đầu tư xây dựng phù hợp với xu hướng phát triển tổ chức hành chính mới và định hướng phát triển của huyện.

- Trung tâm hành chính các xã được xây dựng phù hợp với xu hướng phát triển tổ chức hành chính mới.

2) Quy định đối với công trình y tế

Cơ sở chất lượng ngành y tế được củng cố, 100% trạm y tế các xã trong huyện được cải tạo, nâng cấp hoặc xây mới đảm bảo đạt chuẩn với trang thiết bị cơ bản. Nâng cao chất lượng y tế huyện, khuyến khích xã hội hóa ngành y tế để phát triển hệ thống y tế công lập và ngoài công lập.

3) Quy định đối với công trình giáo dục, đào tạo

Đến năm 2050 quy hoạch đất dành cho giáo dục từ bậc mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, THPT tối thiểu đạt 2,7m²/người. 100% các trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và thiết bị giảng dạy.

4) Quy định đối với hệ thống công trình văn hóa

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện khu Trung tâm Văn hóa, thể dục thể thao của huyện; Quy hoạch khu công viên trung tâm và quảng trường trung tâm tại thị trấn Ninh Giang để phục vụ nhu cầu nhân dân.

- 100% các xã có khu văn hóa – thể thao đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao và 100% các thôn có nhà văn hóa - khu thể thao.

5) Quy định đối với hệ thống nhà ở đô thị và nông thôn

- Phát triển hệ thống nhà ở đô thị, nông thôn đồng bộ hiện đại phù hợp với xu thế mới; phù hợp với Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh đã được phê duyệt.

- Tại khu vực đô thị: Phát triển hệ thống nhà ở đô thị theo quy hoạch; Xây dựng Chương trình phát triển nhà ở và Kế hoạch phát triển nhà ở theo hướng đồng bộ hiện đại, khuyến khích xây dựng nhà chung cư cao tầng, đảm bảo tỷ lệ đất xây dựng nhà ở xã hội theo quy định.

- Tại khu nông thôn: Phát triển nhà ở theo mô hình khu dân cư nông thôn kiểu mẫu, vị trí và quy mô cụ thể từng khu vực phù hợp theo chỉ tiêu phân bổ đất của tỉnh và huyện, đồng bộ, hiện đại, giàu bản sắc.

- Tại khu vực công nghiệp: Phát triển hệ thống nhà ở xã hội, nhà ở công nhân lao động gắn với quy hoạch các khu vực công nghiệp theo mô hình khu công nghiệp tổng hợp (công nghiệp – dịch vụ - đô thị).

Điều 9. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng.

1. Quy định chuẩn bị kỹ thuật và thoát nước mặt

- Xây dựng hệ thống cao độ nền phù hợp với điều kiện tự nhiên hiện trạng vùng khoa học và bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

- Đối với khu vực dự kiến phát triển phải căn cứ vào điều kiện thủy văn khu vực xây dựng kể cả việc ảnh hưởng thủy triều sông Đĩnh Đào, Cừ An, sông Luộc..., căn cứ vào chế độ ngập của hệ thống kênh mương nội đồng để khống chế độ cao nền đất xây dựng thích hợp với từng loại khu chức năng công nghiệp, nền $\geq + 2,6\text{m}$.

- Hệ thống cao độ nền được quản lý trên cùng hệ cao độ Quốc gia, xây dựng hoàn thiện hệ thống cao độ Quốc gia hạng IV tại các xã trên địa bàn huyện, phục vụ công tác quản lý đầu tư xây dựng.

2. Quy định đối với các công trình giao thông

- Phát triển mạng lưới công trình giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội, phù hợp với Quy hoạch tổng thể giao thông vận tải của tỉnh.

- Xây dựng và hoàn thiện tuyến đường trục Đông - Tây, tỉnh Hải Dương; Đường trục ĐH 02 (Đông - Tây) huyện Ninh Giang; Đường vành đai V - Vùng Thủ đô Hà Nội; Xây dựng cầu An Đông và đường dẫn, tỉnh Hải Dương (kết nối từ đường tỉnh 396, Hải Dương với đường huyện 75, Quỳnh Phụ, Thái Bình)

- Tập trung hoàn thiện các tuyến đường trọng điểm theo quy hoạch đã duyệt; Nâng cấp cải tạo các tuyến đường tỉnh và huyện đảm bảo quy mô theo quy hoạch được duyệt. Đầu tư xây dựng hệ thống công trình đầu mối giao thông bến xe, bến cảng.

3. Quy định đối với các công trình cấp nước

- Đảm bảo đủ, chất lượng cung cấp nước sạch cho khu vực đô thị và công nghiệp; cải tạo, xây dựng mới cơ sở hạ tầng cấp nước.

- Tăng cường bảo vệ nguồn nước, cải tiến công nghệ, sản xuất kinh doanh, dịch vụ, quản lý nhằm nâng cao chất lượng và số lượng phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt.

- Đảm bảo cung cấp đủ nước cho sản xuất nông nghiệp và thủy sản, không bị úng ngập về mùa mưa lũ, không bị khô cạn.

- Tăng cường liên kết hợp tác liên tỉnh, liên huyện về phòng chống lũ, chống hạn và khai thác nguồn nước, cấp nước.

**** Giải pháp cấp nước sinh hoạt:***

Các trạm cấp nước quy hoạch:

+ Trạm TT Ninh Giang (nâng cấp), Trạm Hưng Long (quy hoạch mới): Nguồn nước thô lấy từ sông Luộc.

+ Trạm Ứng Hòa (Quyết Thắng cũ - tăng áp): Nguồn nước sạch từ Trạm cấp nước Đông Kỳ, Tứ Kỳ (nguồn nước thô từ sông Thái Bình).

+ Trạm Tân Hương, Hưng Long (tăng áp), Hồng Dụ (tăng áp, nội bộ):
Nguồn nước sạch lấy từ trạm Ninh Giang, Văn Hội

*** Giải pháp cấp nước Phòng cháy chữa cháy (PCCC):**

- Cấp nước PCCC đảm bảo đủ về lưu lượng và áp lực trên mạng lưới.
- Nguồn cấp nước áp lực thấp lấy từ mạng lưới cấp nước sinh hoạt có trên địa bàn. Nguồn cấp nước PCCC không áp lấy từ sông Cửu An, sông Luộc, sông Đình Đào tại các vị trí thuận tiện cho xe chữa cháy vận hành.
- Công trình cấp nước PCCC: là các trụ cứu hỏa lắp trên các tuyến ống cấp nước, các bến lấy nước theo quy hoạch vùng tỉnh đã duyệt.

4. Quy định đối với các công trình cấp điện và năng lượng:

- Phát triển hệ thống điện theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu điện sản xuất, sinh hoạt trên địa bàn huyện. Phù hợp với phát triển điện lực tỉnh Hải Dương được phê duyệt theo quyết định số 4930/QĐ-BCT ngày 19/12/2016 của Bộ Công thương quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016-2025 có xét đến năm 2035 – Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV.

- Quy hoạch xây dựng mạng lưới truyền tải điện, truyền tải năng lượng từ nguồn điện quốc gia đến cung cấp đầy đủ và an toàn các hộ tiêu thụ điện trên địa bàn huyện Ninh Giang.

- Quy hoạch hợp lý để phân bố phụ tải các vùng sử dụng năng lượng điện trên địa bàn huyện dựa trên cơ sở phân bố công nghiệp, dịch vụ và đô thị.

- Quy hoạch mạng lưới điện cân đối hợp lý an toàn lưới điện cao thế, trung thế bao gồm đường dây và trạm trên cơ sở phối hợp với quy hoạch xây dựng đô thị, công nghiệp, các trung tâm dịch vụ và các ngành sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và dân cư nông thôn.

- Đầu tư xây dựng các công trình điện gồm:

*** Giai đoạn đến năm 2030:** Tổng công suất các trạm năm 2030: 292MVA.

+ Nâng cấp trạm 110kV Nghĩa An II với 2 tổ máy (63+63MVA)

+ Quy hoạch xây dựng mới trạm Hưng Long với 2 tổ máy (40+63MVA)

+ Quy hoạch mới trạm Tân Phong (63MVA),

5. Quy định đối với hệ thống thông tin liên lạc:

- Xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc đồng bộ, đầy đủ hiện đại đáp ứng yêu cầu trao đổi thông tin nhanh chóng, chính xác, an toàn, thuận tiện và thoải mái mọi nhu cầu dịch vụ trong tỉnh.

- Cơ sở hạ tầng thông tin viễn thông Hải Dương đi thẳng vào công nghệ hiện đại, phát triển nhanh, đa dạng hoá, cung cấp cho người sử dụng các dịch vụ chất lượng cao, đảm bảo an toàn thông tin, bảo mật, tạo điều kiện toàn xã hội cùng khai thác, chia sẻ thông tin, làm nền tảng cho việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH của tỉnh Hải Dương.

- Nhảy bén với những xu hướng đổi mới tổ chức, phát triển các dịch vụ mới, mở cửa thị trường, hội nhập quốc tế và ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại của ngành hiện nay để phát triển hạ tầng thông tin liên lạc.

- Công trình đảm bảo cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ viễn thông, cáp quang đến 100% xã, cụm xã. Phủ sóng 4G, 5G đến 100% khu dân cư. Hoàn thiện xây dựng hạ tầng mạng NGN. Ngầm hóa hệ thống cáp thông tin liên lạc tại các khu vực trung tâm, các khu đô thị mới và khu vực công trình công cộng đô thị. Từng bước hạ ngầm cáp thông tin liên lạc trên địa bàn huyện.

- Mạng truyền dẫn viba: Trung tâm thông tin - viễn thông Internet đặt tại Hải Dương. Mạng truyền dẫn tới các trung tâm huyện, khu công nghiệp...

6. Quy định đối với các công trình thoát, xử lý nước thải – chất thải và nghĩa trang:

- Công trình thoát nước thải: Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, công trình đầu mối thoát nước phù hợp với điều kiện tự nhiên hiện trạng, quy hoạch thoát nước được phê duyệt theo hướng đồng bộ hiện đại gồm: Trạm xử lý nước thải tại đô thị, khu công nghiệp, khu chức năng đặc thù, hệ thống trạm bơm, hệ thống kênh mương thủy lợi.

- Công trình xử lý rác thải: Đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn tại xã Tân Quang; Quy mô nhà máy xử lý rác khoảng 10-15 ha (Trong đó diện tích thuộc huyện Ninh Giang 10ha); Công suất khoảng 250 tấn/ ngày.

- Nghĩa trang: Đầu tư xây dựng nghĩa trang tại khu vực đô thị và nông thôn, tuân thủ Nghị định số 35/2008/NĐ-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang. Trại khu vực nông thôn khuyến khích xây dựng nghĩa trang nhân dân kiểu mẫu.

Điều 10. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường.

1. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình giao thông

- Quy định quy đất dành cho kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Tỷ lệ quỹ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị tối thiểu 16%. Cụ thể tỷ lệ tối thiểu đối với đô thị loại III từ 18% đến 20% đô thị loại IV, loại V từ 16% đến 18%.

- Phát triển mạng lưới giao thông đa dạng hóa các loại hình giao thông, trú trọng giao thông công cộng thân thiện môi trường.

- Đối với đường bộ: Giới hạn hành lang an toàn giao thông đường bộ được quy định trong Luật giao thông đường bộ năm 2008; Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn số điều của Nghị định số

11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Đối với đường thủy: Nội dung và phạm vi bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa và hành lang bảo vệ luồng, quy định trong Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014.

2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp nước

- Lựa chọn nguồn nước mặt sông Luộc cung cấp nước cho các nhà máy nước. Nguồn nước mặt khai thác phải đảm bảo theo “Tiêu chuẩn xây dựng TCXD 233-1999 Các chỉ tiêu lựa chọn nguồn nước mặt - nước ngầm phục vụ hệ thống cấp nước sinh hoạt” Chất lượng nước sinh hoạt đảm bảo yêu cầu theo QCVN 01-2018/BYT quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sạch phục vụ cho mục đích sinh hoạt.

- Quy định vùng bảo vệ nhà máy, trạm cấp nước: Phải xây dựng tường bảo vệ bao quanh khu vực xử lý nước trong phạm vi 30m kể từ chân tường các công trình xử lý. Bên trong tường rào này không được xây dựng nhà ở, công trình vui chơi sinh hoạt, vệ sinh, không được bón phân cho cây, trồng và không được chăn nuôi súc vật. Khu vực bảo vệ đường ống cấp nước tối thiểu là 0,5m và đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa các công trình hạ tầng kỹ thuật khác theo QCVN 01:2021/BXD.

3. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước

- Tổ chức mạng lưới thoát nước mưa phù hợp với điều kiện địa hình của khu vực đảm bảo nguyên tắc tự chảy, kết hợp với bơm động lực cho khu vực trong đê. Hệ thống thoát nước được chia thành nhiều nhánh nhỏ để thoát ra các sông Thái Bình, Sông Luộc, sông Ninh Giang, sông Cầu Xe. Trong các khu vực cụm công nghiệp, khu công nghiệp có nguy cơ phát thải chất nguy hại, hệ thống thoát nước phải có bộ phận tách các thành phần nguy hại trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của toàn khu vực quy hoạch.

- Quản lý xây dựng hệ thống thoát nước mưa: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn chỉnh ở tất cả các khu vực xây dựng mới. Những khu vực đã có hệ thống thoát nước chung, không có khả năng cải tạo thành thoát nước riêng sẽ xây dựng giếng tách, cống bao tại cuối các tuyến cống chính trước các miệng xả, đưa về trạm xử lý tập trung trước khi xả ra môi trường.

- Đối với thoát nước cải tạo tùy theo tình hình thực tế tận dụng tối đa hiệu quả của các công trình hiện có. Quản lý vị trí đầu nối của dự án vào tuyến chính của đô thị. Nếu tuyến cống chính chưa xây dựng thì đơn vị cấp phép cần chỉ ra vị trí xả hoặc đầu nối tạm thời và chủ dự án phải nộp đủ tiền cho đơn vị quản lý thoát nước đô thị để khi có tuyến cống chính đơn vị này sẽ xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt.

- Mở rộng phạm vi phục vụ của các hệ thống thoát nước, tiến tới đạt tiêu chuẩn 100% đảm bảo thông thoáng các trục tiêu chính đi qua đô thị.

- Quản lý chặt chẽ công tác xây dựng các cụm công trình đầu mối: hồ điều hòa, trục kênh dẫn, cống qua đê, trạm bơm. Công suất các trạm bơm có thể phù hợp với từng giai đoạn, song cần phải xây dựng trục kênh dẫn và hồ điều hòa theo quy hoạch vừa để giữ đất vừa để giữ nước.

- Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia 01/2021 BXD.

- Hành lang bảo vệ công trình thủy lợi: Thực hiện theo pháp lệnh số 30/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/04/2001 về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Luật đê điều năm 2006.

4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện

- Tuân thủ theo Luật Điện lực năm 2004; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật điện lực năm 2012; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật Điện lực về an toàn điện.

- Phát triển hệ thống cấp điện phải có khả năng đáp ứng nhu cầu trước mắt và đảm bảo dự phòng phát triển cho tương lai, đặc biệt là quỹ đất xây dựng công trình điện; Lưới điện trung thế, hạ thế trong phạm vi đô thị phải được từng bước hạ ngầm.

- Quy định về hành lang an toàn lưới điện tuân thủ theo nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/2/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành luật điện lực và an toàn điện.

- Công trình cấp điện đảm đạt thông số kỹ thuật an toàn theo quy định tại quyết định số 5131/QĐ-BCT ngày 30/12/2016 của Bộ Công thương.

5. Quy định về phạm vi bảo vệ hành lang công trình thông tin

- Thực hiện quản lý phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thông tin theo quy định tại quy chuẩn quốc gia và QCVN 33-2011/BTTTT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

6. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải

- Quản lý chất thải rắn tuân thủ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về việc quản lý chất thải rắn và phế liệu.

- Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải tuân thủ theo các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia .

7. Quy chuẩn về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang

- Quản lý hệ thống nghĩa trang tuân thủ Nghị định số 35/ND-CP ngày 25/3/2008 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang.

- Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia.

Điều 11. Quy định đối với bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc giá trị, khu danh lan thắng cảnh, khu di tích lịch sử văn hóa

- Quy định chung: Thực hiện quản lý bảo tồn và phát huy các giá trị khu di tích theo Luật di sản Văn hóa số 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số năm 2009; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa; Nghị định số 710/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền trình tự thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ phục hồi di tích lịch sử, văn hóa danh lam thắng cảnh.

- Di tích xếp hạng Quốc gia gồm: Chùa Đông Cao; Đình Trịnh Xuyên; Đình Bồ Dương; Đình Cúc Bồ; Đình Đỗ Xá; Đền, chùa Trông; Đình Phù Cự; Đình Mai Xá; Đền Tranh; Đền thờ Anh hùng Dân tộc. Khúc Thừa Dụ

- Di tích xếp hạng cấp tỉnh: Đình Dậu Trì; Miếu Tây Đà Phố; Đình Giâm Me; Chùa Tam Tập; Chùa Trịnh Xuyên; Đình - chùa Bồng Lai; Đình - đền Văn Diệm; Chùa Hòa; Đình Đồng Bình; Chùa Ngọc Chi; Chùa Vĩnh Xuyên; Đình Hán Lý; Chùa Dậu Trì; Đình Cả; Đền Cả; đình Ứng Mộ; Chùa Kim Húcl Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh; Đình Do Nghĩa

CHƯƠNG III:

QUY ĐỊNH CỤ THỂ CHO CÁC KHU ĐÔ THỊ

VÀ ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN

Điều 12. Quy định cụ thể cho các thị trấn

Hạng mục	Quy định quản lý
Tính chất, chức năng	- <i>TT Ninh Giang mở rộng (đô thị loại IV):</i> Là đô thị trung tâm vùng huyện Ninh Giang, có cửa ngõ kết nối với không gian kinh tế phía Nam của tỉnh Hải Dương với tỉnh Thái Bình; Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa – xã hội, giáo dục, khoa học kỹ thuật của huyện Ninh Giang; Là vùng kinh tế của tỉnh phát triển tổng hợp đa ngành đa lĩnh vực
Quy mô	- Quy mô dân số đến năm 2050 là khoảng 30 000 người - Tổng diện tích sau khi mở rộng khoảng 1.000ha.
Định hướng chính	+ Khu vực trung tâm huyện với vai trò chủ đạo là khu trung tâm hành chính của huyện Ninh Giang, nơi tập trung các công trình hạ tầng thiết yếu của huyện. Khu vực này cần được tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng đô thị, kiến trúc, cảnh quan hình thành khu trung tâm đô thị hiện đại- thông minh, phát triển xanh- sinh thái, hài hòa giữa khu cũ và khu vực phát triển mới, là bộ mặt kiến trúc cảnh quan cho toàn huyện Ninh Giang. + Tập trung đầu tư xây dựng đô thị Ninh Giang trở thành một trong những trung tâm dịch vụ- thương mại năng động phía Đông Nam của tỉnh Hải Dương, chức năng là trung tâm phát luồng hàng hoá và đầu mối các hoạt động thương mại với các vùng xung quanh, đặc biệt là đầu mối các hoạt động giao thương với TP Hải Phòng và Thái Bình. + Khu vực trung tâm cần đẩy mạnh phát triển mở rộng đô thị về phía Bắc và phía Tây thị trấn theo các đường trục chính; + Các khu dân cư, khu đô thị mới và các xã xung quanh nằm ngoài ranh giới TT. Ninh Giang xác định là nơi bổ trợ cho khu vực trung tâm, phát

	triển các công trình công cộng- dịch vụ và nhà ở... hệ thống giao thông, cơ sở hạ tầng đồng bộ, tạo sự ổn định và phát triển.
Hạ tầng kỹ thuật và môi trường	<p>- <i>Giao thông:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Bảo đảm hành lang xây dựng và hành lang an toàn, bảo vệ tuyến đường Quốc lộ, đường tỉnh chạy qua đô thị theo quy định của luật giao thông đường bộ + Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã, tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn 100% theo quy hoạch. + Đảm bảo quỹ đất xây dựng để nâng cấp các tuyến đường tỉnh, đường huyện <p>- <i>Cấp nước:</i></p> <p>Nâng cao công tác quản lý, giảm tỷ lệ thất thoát, đảm bảo áp lực mạnh lưới cấp nước đô thị.</p> <p>- <i>Cấp điện:</i></p> <p>Tỷ lệ chiếu sáng đạt 100% theo tuyến đường giao thông đô thị</p> <p>Lưới điện: Từng bước cải tạo hạ ngầm hệ thống lưới trung thế, hạ thế và chiếu sáng. Đối với khu vực xây mới cần ổn định về quy hoạch hệ thống lưới điện cần phải hạ ngầm.</p> <p>- <i>Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn (CTR) và nghĩa trang:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Thu gom 100% nước thải. Hệ thống thoát nước được tách riêng hoặc nửa riêng, nửa chung. Nước thải sinh hoạt được thu gom với tỷ lệ 100% và đưa về trạm xử lý. Thường xuyên quan trắc, kiểm tra để đảm bảo nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt loại A theo QCVN 14:2008/BTNMT “Nước thải đô thị - Tiêu chuẩn thải”. + Chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn trước khi được thu gom đưa đến khu xử lý CTR tập trung. + Từng bước đóng cửa các nghĩa trang gây ô nhiễm, di dời các nghĩa trang không theo quy hoạch ra nghĩa trang tập trung xây dựng mới. <p>- <i>Môi trường:</i></p> <p>Tuân thủ theo các tiêu chí đánh giá các thành phần môi trường bao gồm: (1) Môi trường đất, (2) Môi trường nước, (3) Môi trường không khí, tiếng ồn, (4) Môi trường hệ sinh thái và đa dạng sinh học, (5) Ứng phó với biến đổi khí hậu</p>

Điều 13. Quy định cụ thể cho các đô thị mới.

(*Đô thị: Nghĩa An; Ứng Hòe*)

Hạng mục	Quy định quản lý
Tính chất, chức năng	<p><u>Đô thị Nghĩa An</u> : Là đô thị loại V, trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, y tế, đầu mối giao thông có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế huyện. Chủ yếu phát triển đô thị mới gắn với công nghiệp hiện đại để hỗ trợ phát triển và mở rộng không gian cho vùng đô thị trung tâm.</p> <p><u>Đô thị Ứng Hòe</u> : Là đô thị loại V, trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, y tế, đầu mối giao thông có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế huyện</p>
Định hướng chính	<ul style="list-style-type: none"> - Lấy trục quốc lộ 37, ĐT 392 là trục phát triển đô thị - Phát triển ngành Công nghiệp, dịch vụ, thương mại, du lịch tâm linh gắn với du lịch sinh thái và làng nghề.
Hạ tầng kỹ	- <i>Giao thông:</i>

thuật và môi trường	<ul style="list-style-type: none"> + Bảo đảm hành lang xây dựng và hành lang an toàn, bảo vệ tuyến đường Quốc lộ, đường tỉnh chạy qua đô thị theo quy định của luật giao thông đường bộ + Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã, tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn 100% theo quy hoạch. + Đảm bảo quỹ đất xây dựng để nâng cấp các tuyến đường tỉnh, đường huyện - <i>Cấp nước:</i> Nâng cao công tác quản lý, giảm tỷ lệ thất thoát, đảm bảo áp lực mạnh lưới cấp nước đô thị. - <i>Cấp điện:</i> Tỷ lệ chiếu sáng đạt 100% theo tuyến đường giao thông đô thị Lưới điện: Từng bước cải tạo hạ ngầm hệ thống lưới trung thế, hạ thế và chiếu sáng. Đối với khu vực xây mới cần ổn định về quy hoạch hệ thống lưới điện cần phải hạ ngầm. - <i>Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn (CTR) và nghĩa trang:</i> + Thu gom 100% nước thải. Hệ thống thoát nước được tách riêng hoặc nửa riêng, nửa chung. Nước thải sinh hoạt được thu gom với tỷ lệ 100% và đưa về trạm xử lý. Thường xuyên quan trắc, kiểm tra để đảm bảo nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt loại A theo QCVN 14:2008/BTNMT “Nước thải đô thị - Tiêu chuẩn thải”. + Chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn trước khi được thu gom đưa đến khu xử lý CTR tập trung. + Từng bước đóng cửa các nghĩa trang gây ô nhiễm, di dời các nghĩa trang không theo quy hoạch ra nghĩa trang tập trung xây dựng mới. - <i>Môi trường:</i> Tuân thủ theo các tiêu chí đánh giá các thành phần môi trường bao gồm: (1) Môi trường đất, (2) Môi trường nước, (3) Môi trường không khí, tiếng ồn, (4) Môi trường hệ sinh thái và đa dạng sinh học, (5) Ứng phó với biến đổi khí hậu
---------------------	---

Điều 14. Quy định các điểm dân cư nông thôn

Hạng mục	Quy định quản lý
Tính chất, chức năng	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm dân cư nông thôn là hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các vùng ven đô thị và nông thôn. - Là trung tâm đầu mối dịch vụ, thương mại, công nông lâm ngư nghiệp, văn hoá, ... khu vực nông thôn. - Là cơ sở phát triển trung tâm cụm xã, phát triển đô thị trong tương lai. - Kết nối không gian khu vực đô thị với khu vực nông thôn, vùng nông lâm nghiệp ...
Quy mô	<ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm toàn bộ các điểm dân cư trong huyện
Định hướng chính	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành nghề phát triển chính: nông nghiệp, trồng lúa, hoa màu, nuôi trồng thủy sản, làng nghề truyền thống, ... - Phát triển hệ thống dịch vụ khu vực nông thôn là các trung tâm xã và cụm xã và cụm xã tương đương các cụm đổi mới hoặc trung tâm tiểu vùng phục vụ cho phát triển khu vực nông thôn. - Chuyên dịch mạnh cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái.

	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thành các vùng sản xuất lúa rau, hoa, cây cảnh, chăn nuôi lợn, gia cầm ... có quy mô thích hợp chất lượng cao phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng nội địa nhằm nâng cao giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích. - Phát triển nghề TTCN, các CCN, làng nghề; nâng cao độ tinh xảo, mẫu mã của sản phẩm để đảm bảo yêu cầu xuất khẩu và phục vụ cho du lịch. - Xây dựng mô hình nông thôn mới theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, giữ gìn bản sắc văn hoá làng đồng bằng Bắc Bộ. - Dân cư nông thôn xây dựng theo hướng nông thôn mới, từng bước cải tạo nâng cấp chỉnh trang khu dân cư theo quan điểm “phố làng, nhà vườn”. Chuyển đổi mô hình từ VAC sang VAT.
Hạ tầng xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Kiên cố hoá trạm y tế, hệ thống trường học các cấp, nhà văn hoá – khu thể thao xã, thôn, xóm, các trạm khuyến nông, khuyến lâm ... theo tiêu chí nông thôn mới. - Nghiên cứu thiết kế công trình điển hình, kiên cố hoá về nhà ở, trường học, trạm y tế, nhà văn hoá, hành chính đối với từng mô hình dân cư nông thôn.
Hạ tầng kỹ thuật và môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Giao thông:</i> + Nâng cấp cải tạo hệ thống đường giao thông nông thôn hiện có, xây dựng mới các tuyến đường theo quy hoạch nông thôn mới, tạo thành mạng giao thông nông thôn hoàn chỉnh, đạt tỷ lệ 100% giao thông nông thôn đạt chuẩn đường cấp B trở lên. Phát triển giao thông nội đồng đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá sản xuất. - <i>Cấp nước:</i> Tiêu chuẩn dùng nước: 100% dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh. - <i>Cấp điện:</i> Tỷ lệ chiếu sáng đạt 100% dân nông thôn sử dụng điện lưới Quốc gia - <i>Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn (CTR) và nghĩa trang:</i> + Chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn trước khi được thu gom đưa đến khu xử lý CTR tập trung. + Từng bước đóng cửa các nghĩa trang gây ô nhiễm, di dời các nghĩa trang không theo quy hoạch ra nghĩa trang tập trung xây dựng mới. - <i>Môi trường:</i> Hạn chế khả năng gây ô nhiễm môi trường từ các hoạt động chăn nuôi sinh hoạt của người dân nông thôn.

CHƯƠNG IV:
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15: Quy định về tính pháp lý

- Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với quy định này đều bãi bỏ.

- Quy định này áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân thực hiện việc quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng, cải tạo chỉnh trang đô thị trên địa bàn huyện Ninh Giang, đảm bảo theo đúng đồ án đã được phê duyệt.

- Quy định này là cơ sở để các cơ quan quản lý kiến trúc, quy hoạch, xây dựng của Tỉnh làm căn cứ quản lý đầu tư xây dựng và làm căn cứ để xác lập nhiệm vụ và nội dung quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông thôn các khu vực trong huyện.

Điều 16: Kế hoạch tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh thống nhất quản lý toàn diện các hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, quản lý phát triển cải tạo và quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị trên địa bàn theo đúng đồ án được phê duyệt. Tổ chức thực hiện triển khai lập các đồ án quy hoạch chung đô thị đúng theo các quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị.

2. UBND huyện, xã, thị trấn theo thẩm quyền được giao chịu trách nhiệm quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, quản lý phát triển cải tạo và quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị trên địa bàn theo đúng đồ án được phê duyệt và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về công tác thực hiện theo quy hoạch.

3. Sở Xây dựng có trách nhiệm tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan các đô thị và các khu vực có giá trị kiến trúc, cảnh quan trọng khác.

Điều 17: Phân công trách nhiệm

1. UBND các huyện, xã, thị trấn có trách nhiệm giám sát việc phát triển đô thị theo đúng Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt và có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm với UBND tỉnh và Sở Xây dựng.

2. UBND huyện căn cứ vào quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt, tổ chức lập và trình UBND tỉnh phê duyệt các quy hoạch chung đô thị.

3. Các cơ quan, đơn vị liên quan các cấp có trách nhiệm công khai, công bố, lưu giữ hồ sơ quy hoạch, cung cấp thông tin liên quan đến quy hoạch khi tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

Điều 18: Quy định về khen thưởng, xử phạt thi hành

1. Các tổ chức, cá nhân đều phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi không cung cấp thông tin quy hoạch, cố tình cung cấp sai thông tin quy

hoạch, quản lý xây dựng không theo quy hoạch, xây dựng các dự án trái với quy hoạch.

2. Thanh tra xây dựng có trách nhiệm kiểm tra mọi hoạt động xây dựng trên địa bàn do mình quản lý và báo cáo kịp thời với UBND cấp có thẩm quyền các hành vi liên quan đến các hoạt động xây dựng trái với quy hoạch được phê duyệt. UBND các cấp ra quyết định xử phạt đối với các vi phạm nêu trên trong phạm vi thẩm quyền của mình.

3. Khuyến khích và có hình thức khen thưởng phù hợp đối với các tổ chức cá nhân thực hiện nghiêm túc các hoạt động về quản lý và đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch, phát hiện và tố giác kịp thời các hành vi cố ý làm trái quy hoạch.

Điều 19: Đồ án Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Ninh Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và bản Quy định này được ấn hành và lưu giữ tại các nơi dưới đây để nhân dân biết và thực hiện:

- UBND tỉnh Hải Dương;
- Sở Xây Dựng Hải Dương;
- UBND huyện Ninh Giang./.